

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST

Ngày: 22 - 6 - 2022

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Minh Tư

Bà Lê Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký viên TAND thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Giàng Chấn Sồ - Kiểm sát viên.

Ngày 22/6/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Văn L, sinh năm 1939, (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1961, (vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: Tổ 17 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 24/01/2022; Bản tự khai đề ngày 17/3/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Vũ Văn L trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thu H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau có đăng ký kết hôn ngày 12/9/2008 tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã H (nay là thành phố H, tỉnh Hà Giang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó bà H đã có những hành vi lừa dối ông nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2021 thì bà H tự ý bỏ nhà đi xuống Hà Nội làm ăn, không quan tâm, hỏi han chăm sóc lẫn nhau. Từ khi bà H bỏ

nhà đi vợ chồng cũng không liên lạc, gặp lại nhau vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu không thể hàn gắn được do vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông bà không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn bà Nguyễn Thu H:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố H đã ra Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà H đến Tòa án để viết bản tự khai và lấy lời khai theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn đều vắng mặt, không lý do. Toà án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của bà H ở tại tổ 17, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Tổ trưởng tổ 17 đã xác nhận bà Nguyễn Thu H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 17, phường N, thành phố H. Hiện tại bà H không có mặt ở địa phương, tổ dân phố chỉ nắm được là từ tháng 9/2021 bà H tự ý bỏ đi Hà Nội để làm ăn, còn hiện bà H làm gì, ở đâu thì bà không thông báo cho tổ được biết nên tổ không nắm được. Về tình trạng hôn nhân do bà H không thường xuyên không có mặt ở nhà, thời gian qua không tham gia sinh hoạt gì với tổ dân phố nên tình trạng hôn nhân của ông bà như thế nào tổ không nắm được chỉ nghe nói vợ chồng ông L thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nên bà H đã bỏ nhà đi không thông báo địa chỉ cho ông L được biết. Nay ông L đã già yếu và có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Do bị đơn vắng mặt không có lý do nên không có bản tự khai; Toà án không ghi được lời khai, không tổ chức được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không hoà giải vụ án được.

Tại phiên tòa ông L có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, ông giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với bà H.

Tại phiên tòa bị đơn bà H vắng mặt không có lý do, vì vậy không có lời trình bày và ý kiến, đề nghị gì.

* *Ý kiến của đại diện VKSND thành phố H:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ quy định của pháp luật, không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, gây khó khăn cho Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, vi phạm các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ông Vũ Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thu H; Về con chung: Không có con chung nên không đề cập xem xét; Về tài sản và công nợ chung: Không có yêu cầu nên không đề cập xem xét; Về án phí: Ông Vũ Văn L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của ông Vũ Văn L về việc xin ly hôn bà Nguyễn Thu H, bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Tổ 17 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, do đó Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Bà Nguyễn Thu H hiện nay không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho nguyên đơn biết được coi là cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố H đã niêm yết các văn bản của Tòa án theo thủ tục tố tụng nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Ông L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà H. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông L, bà H là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2021 thì bà H đã bỏ đi làm ăn ở Hà Nội nhưng không nói cho ông L được biết, không quan tâm, hỏi han, chia sẻ gì với ông L. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"; "2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác..."*. Tuy nhiên, bà H đã không thực hiện đúng nghĩa

vụ của người vợ, bỏ đi nơi khác làm ăn, sinh sống không liên lạc với chồng, không cùng nhau chung sống cũng như làm việc đóng góp kinh tế gia đình, không quan tâm, chia sẻ với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, xử cho ông Vũ Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thu H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông bà không có con chung do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông L phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

[7] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Vũ Văn L được ly hôn bà Nguyễn Thu H.

2. Về án phí: Ông Vũ Văn L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ly hôn 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 0000675, ngày 11 tháng 3 năm 2022 (*Nguyễn Văn H nộp thay*).

3. Quyền kháng cáo: Ông Vũ Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; Bà Nguyễn Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường. N, TP H;
- Lưu HS - BP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mỹ Lệ